

Bản án số: 50/2019/DS-ST
Ngày: 15-11-2019
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại về
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Minh;
2. Ông Hồ Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Châu Pho Ly - kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2017 tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 241/2019/QĐST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Đ, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 181, ấp B, xã Đ, huyện P, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Văn Đùng: Ông Ngô S, sinh năm 1972; địa chỉ: Đường Nam Kỳ khởi Nghĩa, tổ 03, ấp T, xã N, huyện TT, tỉnh An Giang (giấy ủy quyền ngày 05/4/2017), (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn H, sinh năm 1979; địa chỉ: Đường 3/2, tổ 10, khóm 5, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 02 năm 2017, biên bản hòa giải, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện của nguyên đơn là ông Ngô S trình bày: Ngày 28/03/2016 ông H là người trúng đấu giá tài

sản QSDĐ của ông Đ do Chi cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang và Công ty TNHH MTV đấu giá Dũng Trung Nam tổ chức bán đấu giá. Đến ngày 10/05/2016 Chi cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang tiến hành giao đất cho ông H với diện tích 103.407m². Diện tích còn thừa là 15.828m² và đất bờ kênh T6 ông Đ đang trồng cây ăn trái như Chuối, dừa, mít, xoài, ổi đã trồng từ năm 2009. Vào ngày 29/11/2016 ông H và một vài người được ông H thuê (không xác định tên, tuổi, địa chỉ) ngang nhiên dùng phương tiện máy cưa, dao tầm bút hạ hết toàn bộ cây ăn trái mà ông Đ đã trồng trên bờ kênh T6 do Nhà nước quản lý gồm các loại như: Chuối 373 cây sắp trở buồng x 25.000đ/cây = 9.325.000đ; dừa 27 cây (07 tuổi) x 650.000đ/cây = 17.550.000đ; mít 03 cây (07 tuổi) x 610.000đ/cây = 1.830.000đ; xoài 04 cây (07 tuổi) x 970.000đ/cây = 3.880.000đ; ổi 01 cây (07 tuổi) x 180.000đ/cây = 180.000đ. Tổng cộng = 32.765.000đ. Ông Đ yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn H phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với tổng số tiền là 32.765.000đ. Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn bồi thường theo kết quả định giá tài sản về giá trị của tài sản là 18.875.000đ. Ngoài ra, đòi với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 500.000đ và chi phí định giá tài sản 500.000đ yêu cầu bị đơn phải chịu toàn bộ.

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: 01 USB dung lượng 4GB hiệu KINGMX nội dung video ghi nhận hình ảnh chặt phá cây; Giấy ủy quyền; hồ sơ hòa giải tại ấp Cà Na; thủ tục giao tài sản bán đấu giá (bút lục 02 – 42).

Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố, tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn vắng mặt và không gửi các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án. Bị đơn ông Nguyễn H trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2017: Ông là người trúng đấu giá tài sản QSDĐ của ông Đùng do Chi cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang và Công ty TNHH MTV đấu giá Dũng Trung Nam tổ chức bán đấu giá với diện tích 103.407m² đất tọa lạc tại ấp Cà Na, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, mua với giá trên 3 tỷ đồng. Ông cho rằng mình có đốn cây trên phần đất do Nhà nước quản lý thuộc bờ kênh T6 chứ không phải cây trồng trên phần đất của ông Đ. Cây ông H đốn gồm có 03 cây dừa (khoảng 02 năm tuổi), 20 cây tràm (khoảng 01 năm tuổi), 01 bụi chuối (khoảng 05 cây chuối con). Lý do ông đốn cây, là vì phải làm đường dẫn nước vào ruộng phía sau bờ kênh T6 và ông không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông Đ và cho rằng ông đã bồi thường xong cho ông Đ số tiền 10.000.000đ. Có Hội đồng định giá lập biên bản ngày 20/5/2016 khi ông Đ bàn giao tài sản là đất nông nghiệp cho ông.

Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử;

việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Ngày 29/11/2016 ông H đã cùng một số người khác dùng máy cưa, dao chặt phá cây do ông Đ đã trồng trên bờ kênh T6 nằm ngoài diện tích của ông H với tổng giá trị thiệt hại theo biên bản định giá ngày 04/10/2019 là 18.875.000đ. Từ những chứng cứ nêu trên, xét thấy việc ông Đ yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Lê Đ, có nơi cư trú: Số 181, ấp B, xã Đ, huyện P, tỉnh An Giang và bị đơn ông Nguyễn H có nơi cư trú: Đường 3/2, tổ 10, khóm 5, thị trấn T, huyện TT, tỉnh An Giang. Ông Đ khởi kiện “tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản”, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phạm vi khởi kiện: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn ông Lê Đ yêu cầu bị đơn ông Nguyễn H bồi thường cây trồng bị ông H đốn hạ với số tiền 32.765.000đ. Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn bồi thường 18.875.000đ. Xét yêu cầu thay đổi một phần nội dung khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Hải.

[2] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Ông Lê Đ có trồng các loại cây ăn trái trên Bờ kênh T6 là đất công do Nhà nước quản lý, ông Đ cho rằng vào ngày 29/11/2016 ông H dùng máy cưa, dao tầm bứt hạ hết toàn bộ cây ăn trái do ông trồng từ năm 2009. Yêu cầu ông H phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm gồm: Chuối 373 cây x 25.000đ/cây = 9.325.000đ; dứa 16 cây x 350.000đ/cây = 5.600.000đ; mít 03 cây x 610.000đ/cây = 1.830.000đ; xoài 02 cây x 970.000đ/cây = 1.940.000đ; ổi 01cây x 180.000đ/cây = 180.000đ. Tổng cộng = 18.875.000đ. Còn ông H thì thừa nhận ông chỉ đốn 03 cây dứa (khoảng 02 năm tuổi), 20 cây tràm (khoảng 01 năm tuổi) và 01 bụi chuối (khoảng 05 cây chuối con). Ông không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông Đ và cho rằng ông đã bồi thường xong cho ông Đ số tiền 10.000.000đ có Hội đồng định giá lập biên bản ngày 20/5/2016 khi ông Đ bàn giao tài sản là đất nông nghiệp cho ông.

Về chứng minh thiệt hại: Do bị đơn không thừa nhận toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của nguyên đơn, nên nguyên đơn ông Đ phải có nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp được quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, ông Đ đã giao nộp cho Tòa án một USB dung lượng 4GB, hiệu KINGMX, nội dung có trong USB là một đoạn video dài 05 phút, 27 giây. Dung lượng 358,742 KB thể hiện hình ảnh chặt phá cây. Đoạn video do bà Ngô T là con dâu của ông Đ đã dùng điện thoại ghi hình lại và cung cấp lời khai tại biên bản lấy lời khai ngày 09/10/2017 (bút lục số 05) chỉ chứng kiến và ghi hình lại toàn bộ quá trình ông H chặt cây. Ngoài ra, trong đoạn video thể hiện có ông Huỳnh B cùng chứng kiến nên Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông B tại biên bản lấy lời khai ngày 26/9/2019 (bút lục số 99) ông cho biết mình có chứng kiến ông H và một số người chặt cây do ông Đ trông khi đó có T là con dâu của ông Đ ra ngăn cản nhưng ông H không dừng lại mà tiếp tục chặt, nên cô T mới dùng điện thoại quay lại, còn số lượng cây bị đốn, chặt bao nhiêu thì ông không rõ. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định chứng cứ là đoạn ghi hình do nguyên đơn cung cấp là chứng cứ hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đại diện của nguyên đơn xác định lại thiệt hại và yêu cầu ông H phải bồi thường 18.875.000đ. Trong khi ông H không thừa nhận và cho rằng đã bồi thường xong. Ngày 18/02/2019 Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn ban hành Công văn số 09/CV-TA gửi Chi cục Thi hành dân sự tỉnh An Giang hỏi về việc ông H có bồi thường cho ông Đ đối với các cây trồng nói trên hay không. Thì Chi cục Thi hành dân sự tỉnh An Giang ban hành Công văn phúc đáp số 327/CTHADS-NV ngày 04/03/2019 về việc trả lời kết quả thi hành án dân sự “đối với phần đất nằm trên bờ kênh T6 là đất công do Nhà nước quản lý, không nằm trong diện tích: 103.403m². Do vậy, cơ quan thi hành án dân sự không kê biên, xử lý tài sản này kể cả cây trồng trên đất. Tại biên bản xác minh ngày 29/8/2017 cán bộ địa chính xã Lương An Trà cho biết đất bờ kênh T6 do Nhà nước quản lý, do đó người dân có diện tích đất nông nghiệp liền kề thường sử dụng đất trên bờ kênh để trồng cây ăn trái, hoa màu khai thác hoa lợi và nhằm chống sạt lở bờ kênh. Cho nên yêu cầu bồi thường thiệt hại về cây trồng trên đất bờ kênh T6 là có cơ sở chấp nhận.

[3] Kết quả xem xét thẩm định, định giá tài sản:

Về xem xét thẩm định: Tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 10/7/2017. Nguyên nhân Xăng cạp đất lấp lên bờ kênh T6 nên đã làm mất đi hiện trạng ban đầu, các cây bị đốn hạ không còn.

Về định giá tài sản: Do hiện trạng không còn nên Hội đồng định giá tiến hành định giá các loại cây trồng qua hình ảnh thể hiện trong video do nguyên đơn cung cấp. Do thiệt hại xảy ra tại thời điểm năm 2016 nên Hội đồng định giá căn cứ vào Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 của UBND tỉnh An Giang. Kết quả biểu quyết của Hội đồng định giá tài sản về giá trị của tài sản là 18.875.000đ làm căn cứ giải quyết bồi thường.

Từ những căn cứ nêu trên do ông H có hành vi chặt cây ông Đ trồng là xâm phạm quyền sở hữu của ông Đ nên có lỗi cố ý và gây thiệt hại nên phải chịu trách nhiệm bồi thường cho ông Đ. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015 có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ đối với ông Hải.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Ông H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 500.000đ và chi phí định giá tài sản 500.000đ. nguyên đơn không phải chịu nên được hoàn lại 1.000.000đ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận là 18.875.000đ quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 95 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 584, Điều 585, Điều 588, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đ về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản đối với ông Nguyễn H.

Buộc ông Nguyễn H có trách nhiệm bồi thường cho ông Lê Đ số tiền 18.875.000đ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản:

Buộc ông Nguyễn H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 500.000đ và chi phí định giá tài sản 500.000đ. Ông Lê Đ không phải chịu chi phí nên trả lại ông Đ tiền tạm ứng chi phí đã nộp 1.000.000đ, nhận tại Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, (sau khi Chi cục Thi hành án thu của ông H 1.000.000đ thì giao lại cho ông Đ).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 944.000đ.

Nguyên đơn ông Lê Đ không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 819.000đ theo biên lai thu số: TU/2015/0011930 ngày 12 tháng 4 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ký tên, đóng dấu)

Sơn Thị Thúy Liễu

